

Số: 279 /QĐ-BVSKTT

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025 của Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hà Tĩnh

Căn cứ Quy định của Luật ngân sách Nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 4247/TB-SYT ngày 30/9/2026 của Sở Y tế về xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hà Tĩnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025 của Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hà Tĩnh (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này công khai cho tất cả khoa, phòng, bộ phận qua trang cổng thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 3. Các khoa, phòng và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Y tế (b/c);
- BGĐ BV;
- Các khoa, phòng;
- Cổng thông tin điện tử BV;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Phúc

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 279/QĐ-BVSKTT ngày 14/10/2026 của Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hà Tĩnh)

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		17.537.299.782		
I	Nguồn ngân sách trong nước		17.537.299.782		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		13.226.782.214		
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		12.854.338.851		
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		372.443.363		
5	Chi bảo đảm xã hội		4.310.517.568		
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		4.310.517.568		